

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xi Noa.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 7 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 262/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim Đ, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn PM, xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Ông Hồ Văn L, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn PM, xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Kim Đ, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông Hồ Văn L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 11 năm 1996, tại Ủy ban nhân dân xã HT. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông L thường hay say xỉn, bạo lực gia đình, không chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thị Minh T, sinh ngày 04 tháng 7 năm 1999 và Hồ Ý M, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2009; khi ly hôn, cháu Tâm đã đủ 18 tuổi và có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu M, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có những tài sản chung gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4, được xây trên diện tích đất 523m² tại thửa đất số 361 tờ bản đồ số 16, xã HT, trị giá nhà và đất là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) trong đó trị giá nhà là 500.000.000 đồng và trị giá diện tích đất 523m² là 300.000. 000 đồng.

- 03 con Bò trị giá 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Tổng cộng là 860.000.000 đồng; bà Đ yêu cầu được nhận sở hữu toàn bộ tài sản và thôi lại ½ giá trị cho ông L với số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba chục triệu đồng).

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu ngày 18 tháng 6 năm 2021 và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25 tháng 6 năm 2021, bà Đ không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con và rút yêu cầu chia tài sản chung.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 4 năm 2021, bị đơn ông Hồ Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc bà Đ yêu cầu ly hôn ông; ông không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn không trầm trọng như bà Đ trình bày. Ông thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu bia say xỉn, có đánh vợ một lần và đã được công an xã nhắc nhở.

Ông vẫn còn thương vợ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nên người, nhờ Tòa xem xét.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thị Minh T, sinh ngày 04 tháng 7 năm 1999 và Hồ Ý M, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2009; như bà Đ đã trình bày là đúng. Vì không muốn ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung sẽ ở với ai khi ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4, được xây trên diện tích đất 523m² tại thửa đất số 361 tờ bản đồ số 16, xã HT nguồn gốc là do ông bà để lại; trị giá nhà và đất là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- 03 con bò trị giá 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Như bà Đ đã trình bày là đúng. Do không muốn ly hôn nên việc chia tài sản chung của vợ chồng không trình bày, nhờ Tòa xem xét.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo Giấy triệu tập của Tòa không có lý. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Bà Đ và ông L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông L thường hay say xỉn, bạo lực gia đình, không chăm sóc vợ con làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Đ yêu cầu được ly hôn ông L là có căn cứ. Áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Trần Thị Kim Đ được ly hôn ông Hồ Văn L.

Về con chung: Đề nghị giao bà Đ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hồ Ý M, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2009. Ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 08 tháng 3 năm 2021, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn bà Trần thị Kim Đ đối với bị đơn ông Hồ Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn, ông Hồ Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Nhưng ông L vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập; vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do; bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Đ và ông Hồ Văn L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 35 quyển số 1- 96, ngày 05 tháng 11 năm 1996, tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện NH là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Bà Đ cho rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông L thường hay say xỉn, bạo lực gia đình, không chăm sóc vợ con. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu ly hôn ông L. Ông L thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu bia say xỉn, có đánh vợ một lần và đã được công an xã nhắc nhở; ông không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn không trầm trọng như bà Đ trình bày; ông vẫn còn thương vợ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái nên người, nhờ Tòa xem xét.

Thấy rằng, ông L không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã thông báo hòa giải cho ông L nhưng ông L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì: "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, ông L đã có hành vi bạo lực gia đình, đồng thời vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông L cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc đích thực cho nhau nên yêu cầu ly hôn của bà Đ là có căn cứ chấp nhận quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thị Minh T, sinh ngày 04 tháng 7 năm 1999 và Hồ Ý M, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2009; khi ly hôn, cháu T đã đủ 18 tuổi và có khả năng tự nuôi sống bản thân, nên không xét. Đối với cháu M, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu M mong muốn được ở với mẹ. Để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của con, nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao cháu M cho bà Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu. Do đó, ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng và nghĩa vụ trả nợ: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện NH về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Kim Đ được ly hôn với ông Hồ Văn L.

2. Về con chung:

Giao cháu Hồ Ý M, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2009 cho bà Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm, sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp 10.900.000 đồng (Mười triệu chín trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0004711 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho bà Đ số tiền 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NH;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện NH;
- UBND xã HT, huyện NH;
- Lưu Hồ sơ + Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Chí Ngãi